

BAZƠ

I. Khái niệm, công thức, tên gọi

- ❖ **Khái niệm:** Hợp chất do nguyên tố liên kết với nhóm hiđroxi
- ❖ **Công thức chung:**
- ❖ **Tên gọi:** Tên kim loại + () +
 Al(OH)_3 :
 Fe(OH)_2 :

Chú ý: Al(OH)_3 , Cr(OH)_3 , Zn(OH)_2 , Sn(OH)_2 , Pb(OH)_2 , Be(OH)_2 : hidroxit lưỡng tính

II. Phân loại

- ❖ **Bazơ mạnh:** , , ,
 (viết theo thứ tự dãy HĐHH)
- ❖ **Bazơ yếu:** còn lại

III. Tính chất vật lý

- ❖ **Tính tan**
 Bazơ tan: , , ,
 Bazơ không tan: còn lại
- ❖ **Màu sắc**
 NaOH , KOH , Ca(OH)_2 , Ba(OH)_2 :
 Mg(OH)_2 : Fe(OH)_2 :
 Cu(OH)_2 : Fe(OH)_3 :

IV. Tính chất hóa học

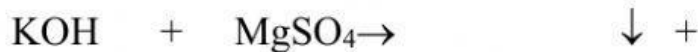
1. Bazơ tan (kiềm)

1.1. Dung dịch kiềm làm thay đổi màu chất chỉ thị

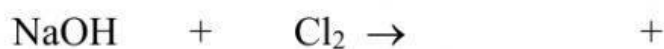
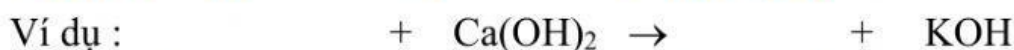
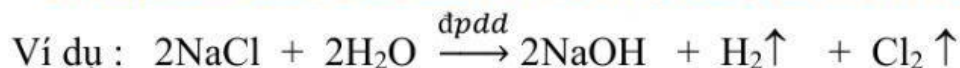
- Quì tím →
- Dung dịch phenolphtalein không màu →

1.2. Tác dụng với axit, hidroxit lưỡng tính tạo +



1.3. Tác dụng với oxit axit, oxit lưỡng tính tạo + ()**1.4. Tác dụng với tạo bazơ mới** +

Điều kiện:

1.5. Tác dụng với một số kim loại và phi kim**2. Bazơ không tan****2.1. Tác dụng với axit****2.2. Nhiệt phân****V. Điều chế****1. Điều chế bazơ tan****▪ Kim loại/oxit bazơ +****▪ Muối + dd $\rightarrow$ + bazơ mới****▪ Điện phân dung dịch muối (thường dùng muối clorua, bromua ...)****2. Điều chế bazơ không tan***** Muối + dd bazơ $\rightarrow$ muối mới + bazơ mới**